

Bản án số: 19/2022/DS-PT
Ngày: 29/7/2022
V/v “*Tranh chấp lối đi chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Thành và bà Nguyễn Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum: Ông Lê Văn Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp lối đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2021/DS- ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện STh, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐXX-PT ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1958

Đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị M

Cùng địa chỉ: Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum, có mặt

- Bị đơn: Ông Lê Thành Ch2, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Hoàng Minh T- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Minh T- Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum. có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Ch3; đại diện theo ủy quyền bà Võ Thị Th, có mặt.

2. Ông Thái Văn L; đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị Tr, có mặt.

3. Ông: Lê Nguyên H, có mặt.

4. Ông Tiêu Ch, có mặt.
5. Bà Mai Thị M, có mặt.
6. Bà Lê Thị Ph có mặt.
7. Anh Lê Thành Chi1 có mặt, chị Phạm Thị M vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum.

8. Bà Trần Thị X1, vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Tấn Đ, có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 2 thị trấn STh, huyện STh, tỉnh Kon Tum.

10. Bà Trương Thị X2, có mặt.

11. Bà Phạm Thị Thu Th, có mặt.

12. Bà Phạm Thị H, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 3 thị trấn STh, huyện STh, tỉnh Kon Tum

13. Nông trường Cao su xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum; đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc B ; địa chỉ: Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum, có mặt.

14. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum; đại diện theo ủy quyền ông Trịnh Ngọc Hiếu- Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai; địa chỉ: 06 Ngô Thì Nhậm, phường Trường Chi1, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác:

1. Ủy ban nhân dân huyện STh, tỉnh Kon Tum: Đại diện theo ủy quyền - Ông Lê Danh Đ – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện STh, có mặt.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện STh, tỉnh Kon Tum: ông Lý Hoài D - Phó Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện STh, tỉnh Kon Tum, có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành Ch2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Ch và các hộ gia đình khác nhiều năm đi chung lối đi (đường đất) từ tỉnh lộ 674 vào khu vực sản xuất đồi 600. Về nguồn gốc con đường này hình thành từ trước năm 1990, sau năm 2003 ông mua rẫy phía trong vẫn thường xuyên đi lại, rộng khoảng 3,5m. Năm 2019 ông nhận chuyển nhượng thửa đất và được Sở Tài nguyên và môi trường cấp CGNQSD đất có cạnh giáp với lối đi này. Năm 2020, gia đình ông và các hộ có đất cạnh tác phía

trong đã tham gia đóng góp làm đường bê tông, đoạn đường phía trong đã đổ bê tông. Tuy nhiên, đoạn đường còn lại từ giáp ranh đất ông Ch2 đến tỉnh lộ 674 ông Ch2 rào lại nên không thi công được và không có lối đi lại nên ông cho họ đi nhờ qua đất nhà ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ch2 trả lại lối đi, diện tích 397,7m² (chiều dài 114m x 3,5m) tại Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh KonTum, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Ch có chiều dài 114m;

Phía Tây giáp đất ông Lê Thành Ch2 có chiều dài 114m;

Phía Nam giáp đường bê tông có chiều dài 3,5m;

Phía Bắc giáp tỉnh lộ 674 có chiều dài 3,5m.

Bị đơn ông Lê Thành Ch2 trình bày:

Tháng 7/2003, gia đình ông có nhận chuyển nhượng của ông Đinh Trọng D1 thửa đất rẫy, đã trồng cây cao su và đang khai thác với diện tích 15.818m², ngày 02/4/2004 ông được UBND huyện STh cấp GCN QSD đất diện tích 12.597m². Thửa đất phía Bắc giáp với đường tỉnh lộ 674; Phía Nam giáp đất liền kết với Nông trường cao su SS; Phía đông giáp đất ông Tiêu Chung; Phía Tây giáp đất ông Thông. Trước đây không có con đường dân sinh, đến năm 2006 ông Ch và ông Trần Công Bình đến nhà ông xin đi nhờ để vào khu vực rẫy phía trong sản xuất cho thuận tiện nên ông cho đi nhờ, còn những người liên quan trong vụ án chưa có đất rẫy trong khu vực này.

Thửa đất của nguyên đơn giáp với lối đi đang tranh chấp, có nguồn gốc của ông Lê Khắc Minh được cấp 2003, đến năm 2006 chuyển nhượng lại cho ông Trần Đức Thạch, sổ đỏ không thể hiện phía Tây giáp với lối đi (đang tranh chấp). Năm 2019 ông Ch nhận chuyển nhượng của ông Thạch cấp lại sổ đỏ giáp với lối đi là không đúng và không đưa ông ký giáp ranh là vi phạm. Vì vậy, ông không đồng ý trả lối đi chung. Yêu cầu phản tố, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp cho ông Ch và bà M. Ngoài ra, đối với thửa đất hiện đang tranh chấp, gia đình ông Ch2 đã ký hợp đồng tặng cho anh Chi1 được công chứng chứng thực hợp pháp.

Bà Lê Thị Phương, anh Lê Thành Chi1 và chị Phạm Thị Mùa đồng ý với trình bày của ông Ch2.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn Ch3 (mua rẫy năm 2009), ông Thái Văn L (mua rẫy năm 2010), anh Lê Nguyên Hoàn (mua rẫy năm 2020), bà Phạm Thị Hảo (mua rẫy khoảng 3,4 năm), ông Nguyễn Tấn Đạt (mua rẫy 2 năm), bà Phạm Thị Thu Thắm (được tặng cho rẫy năm 2012), bà Trương Thị Xuân (sử dụng đất từ năm 1994), điều khai: Sau khi mua và sử dụng đất rẫy phía trong đã có đường mòn giữa đất ông Ch và ông

Ch2, đến năm 2020 khi làm đường bê tông thì ông Ch2 rào chắn không cho làm, con đường đất đang đi tạm là đất của ông Ch cho mượn. Đề nghị Tòa án buộc ông Ch2 trả lại hiện trạng con đường, không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Ch2.

- Ông Tiêu Ch3 trình bày:

Ông và ông D1 là chủ đất cũ trước đây của ông Ch và ông Ch2. Ông canh tác từ năm 1995- 2004 khi chuyển nhượng đã chừa một con đường ở giữa hai thửa đất để bà con đi lại vào phía trong sản xuất, đồng thời ông sử dụng lối đi này vào rẫy phía trong từ đó đến nay.

- Đại diện Nông trường Cao su xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum trình bày:

Năm 2001 Nông trường đưa diện tích khu này vào trồng cao su và sử dụng con đường này để đi lại vận chuyển vật tư phân bón.... đây là đường dân sinh qua lại, đề nghị Tòa án giải quyết xem xét theo quy định pháp luật.

- Đại diện Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kon Tum.

Thời điểm hình thành đường đi: UBND xã SS đã tổ chức họp đối với các hộ dân đi lại họ khẳng định con đường đã hình thành từ năm 1990, đến năm 1993 trồng cây cao su theo dự án 327, các hộ dân vẫn đi lại trên con đường này và sử dụng từ đó đến nay.

Năm 2003 ông Đinh Trọng D1 được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho thửa đất số 48 (10) diện tích 12.597m², là căn cứ theo số liệu đo đạc thực tế hộ gia đình đang sử dụng và các hộ liền kề, Phòng địa Ch3h nhà đất (Nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) chỉnh lý biến động hình thể thửa đất trên tờ bản đồ số 10 đo đạc năm 1998 xã SS không có đường đất. Theo tờ Bản đồ số 15 đo đạc năm 2013 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đưa vào sử dụng, thể hiện phía tây của thửa đất số 58 (đất ông Ch) giáp đường đi.

Lời khai của những người làm chứng:

- Ông Nguyễn Tấn L2 (sử dụng trước năm 1985), ông Trần Công B2 (sử dụng từ năm 1989): Con đường mòn đi vào khu sản xuất phía sau đã được hình thành từ lâu khoảng trước năm 1985.

- Ông Lê Khắc M1 trình bày: Thửa đất ông Ch đang sử dụng và tranh chấp lối đi. Nguồn gốc là của ông, sử dụng từ năm 2003 đã có đường mòn đi qua rẫy, sau này ông rào đất lại thì mọi người đi ra phía giáp ranh với đất rẫy của gia đình ông. Giấy chứng nhận cấp cho ông không thể hiện phía tây giáp với đường. Con đường hai bên đang tranh chấp là sau này do địa Ch3h vẽ trên bản đồ, sau đó ông đã chuyển nhượng cho ông Bùi Đức Th2.

- Ông Bùi Đức Th2 trình bày: Năm 2006 ông có mua đất rẫy của ông Lê Khắc Minh, lúc mua đã được rào dây kẽm gai xung quanh để phân biệt ranh giới. Phía Tây mảnh đất giáp ranh với con đường mòn, còn nguồn gốc con đường như thế nào ông Thạch không biết.

- Ông Đinh Trọng D1 trình bày: Nguồn gốc đất ông Ch2 đang sử dụng là do ông chuyển nhượng, bên cạnh đất rẫy có một con đường mòn từ tỉnh lộ 674 đi vào khu vực bên trong.

Với nội dung vụ án trên, bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện STh đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch đề ngày 18/11/2020 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/12/2020.

Buộc ông Lê Thành Ch2 trả lại phần diện tích đất đường đi có diện tích theo đo đạc thực tế chiều dài 114m, chiều rộng 3,5m, tổng diện tích là 397,7m², vị trí đất tại Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thành Ch2 đề ngày 10/6/2021 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV548208 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp cho ông Nguyễn Văn Ch và bà Mai Thị M vào ngày 22/7/2020, vị trí đất tại Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum.

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên việc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 12/01/2022, bị đơn ông Lê Thành Ch2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất số CV548208 của ông Ch, bà M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của những người làm chứng đã đi trên con đường từ lâu và tờ bản đồ 2013 xác định có con đường. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật định, nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành Ch2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về nguồn gốc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 10, được cơ quan có thẩm quyền đo đạc năm 1998 của bị đơn ông Ch2 sử dụng: Năm 2003 ông Đinh Trọng D1 được cấp diện tích là 12.597 m² (*kết quả đo đạc hiện trạng là 14.359,8m²*). Sau đó, chuyển nhượng lại cho ông Ch2 và sang tên năm 2004 sử dụng đến nay. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 48 của bị đơn ông Ch2 có tứ cận: Phía Bắc giáp với đường tỉnh lộ 674; Phía Nam giáp đất liền kết với Nông trường cao su SS; Phía đông giáp đất ông Tiêu Chung; Phía Tây giáp đất ông Thông, không thể hiện giáp lối đi.

[2.2] Nguồn gốc đất của nguyên đơn ông Ch: Ông Tiêu Chung bán lại cho ông Lê Khắc Minh được cấp 2003 diện tích 12.775m², sử dụng đến năm 2006 chuyển nhượng lại cho ông Bùi Đức Thạch. Tứ cận thửa đất: Phía đông giáp đất ông Hưởng, phía Tây giáp đất ông D1, phía Nam giáp đất cao su nông trường, phía Bắc giáp tỉnh lộ 674 đều không có cạnh phía Tây giáp đường đất mà giáp với đất ông D1 (Nay là ông đất Ch2). Đến năm 2019 ông Thạch tách thửa, chuyển nhượng và sang tên cho ông Ch thửa số 110 diện tích 3.352,3m² thì có cạnh phía Tây giáp với đường đất.

[2.3] Tại cấp phúc thẩm thu thập tờ Bản đồ gốc số 10, được cơ quan có thẩm quyền đo đạc Ch3h quy năm 1998: Qua xem xét thấy rằng có đường kẻ mực màu đỏ điều chỉnh về hình thể, diện tích thửa đất của 7 hộ và lối đi giữa hai thửa đất số 47 và 48 (của ông Ch và ông Ch2) vào tờ bản đồ. Tại phiên tòa đại diện UBND huyện STh cung cấp chứng cứ và cho rằng: Năm 2003 khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho các hộ dân, tiến hành kiểm tra lại hiện trạng sử dụng đất và đối chiếu với tờ bản đồ năm 1998 có sai về hình thể và diện tích đất. Vì vậy các hộ dân trong đó có ông Đinh Trọng D1 (người chuyển nhượng đất cho bị đơn ông Ch2) có đơn xin điều chỉnh về hình thể và diện tích đất, được Phó chủ tịch xã và Trưởng phòng địa Ch3h xác nhận nên tiến hành cấp đổi lại GCNQSD đất cho các hộ này. Đồng thời xác định hiện trạng có con đường đất nên điều chỉnh trên tờ bản đồ năm 1998. Năm 2013 đo đạc tổng thể lại và con đường đất này thể hiện rõ trên tờ bản đồ 2013.

Để chứng minh cho lời khai này có căn cứ và hợp pháp UBND huyện STh cung cấp GCNQSD đất cấp cho ông Đinh Trọng D1 năm 1998, 2003 và đơn xin đăng ký biến động đất đai ngày 30/8/2003 (BL 584). Xét lời khai này phù hợp với chứng cứ, vì vậy có cơ sở xác định con đường đã có từ trước năm 2003 đã được điều chỉnh biến động năm 2003 và phù hợp với thực tế, ngoài con đường này không còn con đường nào khác vào khu sản xuất đồi 600. Việc cấp GCNQSD đất cho ông D1 vào năm 2003 không thể hiện có con đường là thiếu sót của cơ quan có thẩm quyền cấp.

[2.4] Lời khai của những liên quan, người làm chứng thường đi lại trên con đường đều khai: Đã có con đường mòn đi qua đất rẫy và họ thường xuyên đi lại trên con đường này từ rất lâu khoảng từ những năm 1985. Sở Tài nguyên và môi trường xác định con đường có từ trước năm 1990. Tại phiên tòa đại diện UBND huyện STh khẳng định đây là con đường dân sinh, nay có kế hoạch phát triển nông thôn mới nên nhà nước và nhân dân cùng làm bằng đường bê tông. Như vậy, con đường này người dân sử dụng đi lại vào khu sản xuất đồi 600 liên tục, công khai đến nay hơn 30 năm thì trở thành chủ sở hữu của người dân kể từ khi chiếm hữu theo Điều 236 BLDS.

[2.5] Mặt khác, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích được cấp cho bị đơn ông Ch2 diện tích là 12.597 m² đất nhưng thực tế hiện trạng sử dụng là 14.359,8m² đất. Như vậy, ngoài diện tích con đường đất đang tranh chấp hiện trạng ông sử dụng đất là chênh lệch tăng diện tích 1.762,8 m² đất.

[3] Đối với Phản tố của ông Lê Thành Ch2 yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV548208 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp cho ông Nguyễn Văn Ch và bà Mai Thị M vào ngày 22/7/2020 đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 15, vị trí đất tại Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum. Cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố và giải quyết là không đúng quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy hủy và đình chỉ xét xử yêu cầu này.

[4] Đối với thiếu sót của cấp sơ thẩm: Theo biên bản xem xét tại chỗ thể hiện lối đi tranh chấp bị đơn đã rào lại và trồng cây nhưng cấp sơ thẩm không buộc tháo dỡ hàng rào và cây trồng là thiếu sót.

Từ những căn cứ trên không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn nhưng sửa một phần án sơ thẩm hủy và đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn; buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào và toàn bộ tài sản trên đất.

[5] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện chịu và đã nộp đủ; Chi phí xem xét thẩm định tại

chỗ tại cấp phúc thẩm là 3.000.000 đồng, bị đơn phải chịu và trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 200; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 31, Điều 32 Luật tố tụng hành Ch3h

Căn cứ Điều 236 và 254 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành Ch2.

2. Hủy và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

3. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện STh, tỉnh KonTum.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch đề ngày 18/11/2020 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/12/2020.

+ Buộc bị đơn ông Lê Thành Ch2 trả lại lối đi có diện tích 397,7m² đất (chiều dài 114m x chiều rộng 3,5m), vị trí tại: Thôn X xã SS, huyện STh, tỉnh Kon Tum, có tứ cận:

Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Ch có chiều dài 114m;

Phía Tây giáp đất ông Lê Thành Ch2 có chiều dài 114m;

Phía Nam giáp đường bê tông có chiều rộng 3,5m;

Phía Bắc giáp tỉnh lộ 674 có chiều rộng 3,5m.

+ Buộc bị đơn ông Lê Thành Ch2 tháo dỡ hàng rào (Phần phía Nam, phía Bắc của lối đi) và tài sản cây trồng trên lối đi tranh chấp.

3. **Về chi phí tố tụng:** Căn cứ 158; 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ch tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) và đã nộp đủ.

Bị đơn phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) và trả lại nguyên đơn số tiền này.

4. **Về án phí:** Căn cứ 143; Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Thành Ch2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông Ch2 phải chịu tổng số tiền án phí là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ 300.000 đồng án tiền tạm ứng án phí phản tố theo biên lai thu tiền số 0004199 ngày 15/6/2021 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm biên lai thu tiền số 0004044 ngày 18/01/2022 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện STh, tỉnh Kon Tum.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ch 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện STh, tỉnh Kon Tum theo biên lai thu tiền số 0004128 ngày 17/12/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu L pháp luật kể từ ngày tuyên án,

Nơi nhận:

- Tòa án ND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t. Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện STh;
- VKSND huyện STh;
- TAND huyện STh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân